

Bản án số: 845/2019/HSPT
Ngày: 26/12/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Vũ Minh Tuấn.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 813/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Quốc H do có kháng cáo của hai bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2018/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Văn A - Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 13/3/1985, tại huyện S, Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã M, huyện S, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Cao đẳng; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Đinh Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị Ng, có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 07/4/2018, thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Bảo lãnh” ngày 03/8/2018, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

2/ Họ và tên: Nguyễn Quốc H - Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 31/5/1983 tại Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: Phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: quận T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Đại học; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Phạm Thị Phương H, có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 19/10/2018. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có hai bị cáo Nguyễn Mạnh D, An Thế A không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến tháng 1/2018, tại thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn A, Nguyễn Mạnh D, An Thế A và Nguyễn Quốc H đã có hành vi làm giả, mua, bán hồ sơ thương mại và trực tiếp chuyển trái phép tiền ngoại tệ ra nước ngoài cho nhiều người nhằm thu lợi bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

1. Hành vi của Nguyễn Văn A:

Khoảng năm 2015, Đinh Thị N (sinh năm: 1962, trú tại: phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn, là bị cáo trong vụ án đã được đưa ra xét xử ở giai đoạn 1) liên hệ với Nguyễn Văn A mua hồ sơ thương mại để hợp pháp hóa việc chuyển tiền ngoại tệ ra nước ngoài cho khách hàng của N. Do biết Nguyễn Mạnh D và An Thế A đang quản lý Công ty C2T nên trong thời gian từ tháng 01/2016 đến tháng 8/2016, Nguyễn Văn A hỏi D và Thế A mượn công ty này để làm hồ sơ xuất nhập khẩu bán cho N làm thủ tục chuyển tiền trái phép ra nước ngoài cho khách hàng tại các ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Ba Đình và Sacombank - Chi nhánh Thủ Đức, nhưng trong việc làm ăn với N, A không nói cho D và An Thế A biết.

Ngoài việc bán hồ sơ thương mại cho Đinh Thị N, trong thời gian từ 2015 đến 2017, Nguyễn Văn A còn bán các bộ hồ sơ thương mại của các Công ty: V, C2T, HUB và Cường Thịnh cho Nguyễn Mạnh D, An Thế A và Nguyễn Quốc H (riêng với H, Ất chỉ bán hồ sơ Công ty V) để các bị can này sử dụng để hợp thức hóa thủ tục chuyển tiền ra nước ngoài cho khách hàng của mình.

Để có các bộ hồ sơ thương mại của các công ty, A khai có thuê lại một người tên Thành ở Móng Cái (không rõ địa chỉ cụ thể) để làm ra các bộ hồ sơ Hải quan trong đó thể hiện các hoạt động xuất nhập khẩu của các công ty này. Sau khi có các bộ hồ sơ Hải quan, A chuyển lại cho N, D, Thế A và Hiền.

Về giá bán các bộ hồ sơ thương mại số tiền chuyển ra nước ngoài trái phép và tiền thu lợi bất chính Nguyễn Văn A phải chịu trách nhiệm:

Trong việc bán hồ sơ thương mại cho Đinh Thị N: Hầu hết các lời khai của Nguyễn Văn A thể hiện: A bán cho N giá 1.000.000VNĐ/100.000 USD ghi trên hồ sơ; N khai mua hồ sơ của A giá khoảng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ/100.000 USD ghi trên hồ sơ. Hai bên thỏa thuận thanh toán tiền mua hồ sơ thông qua Trịnh Diễm C (con nuôi của N). Căn cứ các bản sao kê tài khoản thu tại ngân hàng xác định: Tổng số tiền A phải chịu trách nhiệm hình sự

từ việc bán hồ sơ cho N để N sử dụng chuyển tiền trái phép ra nước ngoài là **737.426.181.677VNĐ**. Căn cứ tờ khai Hải quan tại các bộ hồ sơ A bán cho N xác định: Tổng số tiền ghi trên tờ khai là 80.134.448 USD. Căn cứ lời khai của N và A về giá mua bán hồ sơ cho nhau, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị can, số tiền thu lợi của A được tính là 801.344.000 VNĐ, trong đó số thu lợi từ việc bán các hồ sơ C2T có chữ ký của A ở phần phó giám đốc Nguyễn Hữu Q là 305.490.000VNĐ (đã làm tròn số).

Trong việc bán hồ sơ thương mại cho Nguyễn Mạnh D và An Thế A. D và Thế A khai phải trả cho A 50.000.000VNĐ/1 triệu USD ghi trên tờ khai hải quan của hồ sơ Công ty V. Đối với các Công ty C2T, HUB và Cường Thịnh, D phải trả cho A số tiền là 38.000.000đ/ 1 triệu USD ghi trên tờ khai. Giai đoạn D và Thế A chuyển tiền cho Sam, do A là người có nguồn hồ sơ cung cấp nên ngoài việc trả phí mua hồ sơ cho A, D và Thế A còn tự nguyện chia cho A 35% số tiền thu lợi từ hoạt động chuyển tiền trái phép ra nước ngoài của 2 bị can này. Căn cứ tài liệu điều tra xác định: Tổng số tiền chuyển ra nước ngoài trái phép mà Nguyễn Văn A phải chịu trách nhiệm hình sự từ việc bán hồ sơ cho D và An Thế A chuyển tiền trái phép ra nước ngoài là 1.528.226.253.108VNĐ; tổng số tiền A thu được từ việc bán hồ sơ cho D và Anh được xác định là 2.681.000.000VNĐ (đã làm tròn số), trong đó Công ty V là 651.463.030VNĐ, các công ty còn lại là 2.029.536.970VNĐ; số tiền A được D, Thế A chia lại từ số lợi nhuận có được từ việc chuyển tiền ra nước ngoài với số tiền là 105.000.000 VNĐ.

Trong việc bán hồ sơ thương mại cho Nguyễn Quốc H: Tài liệu điều tra xác định: Tổng số tiền chuyển ra nước ngoài Nguyễn Văn A phải chịu trách nhiệm từ việc bán hồ sơ thương mại của Công ty V cho H để H bán cho người khác chuyển tiền trái phép ra nước ngoài là: 27.176.438.677VNĐ. Riêng về số tiền thu lợi H khai mua hồ sơ của A giá khoảng 70 triệu VNĐ/1 triệu USD nhưng A khai chỉ bán cho H giá 20 triệu VNĐ/1 triệu USD ghi trên tờ khai. Căn cứ lời khai của H và A về giá mua bán hồ sơ cho nhau, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị can, số tiền thu lợi của A được xác định là 23.631.685 VNĐ (đã làm tròn số).

Như vậy, tổng số tiền vận chuyển trái phép ra nước ngoài Nguyễn Văn A phải chịu trách nhiệm hình sự là 2.292.828.873.462 VNĐ; số tiền A thu lợi từ việc bán hồ sơ các công ty (mà A không ký tên vào phần giám đốc, phó giám đốc) là **2.630.390.970VNĐ**.

Trong số hồ sơ thương mại của 04 công ty A bán cho N, D, Thế A và H như đã nêu trên, A tự làm giả một số hồ sơ của Công ty C2T (bán cho N) và Công ty V (bán cho D, Thế A và H) bằng cách trực tiếp ký tên lên các tờ A4 trắng giả các chữ ký của Đinh Văn H1, Nguyễn Hữu Q vào mục đại diện Giám

độc Đinh Văn H1, Phó giám đốc Nguyễn Hữu Q chưa ghi nội dung, rồi đóng dấu tròn đỏ của Công ty C2T và V. Sau đó, A đưa lại cho Đinh Thị N, Nguyễn Mạnh D, An Thế A và Nguyễn Quốc H sử dụng làm các giấy đề nghị mở tài khoản, giấy ủy quyền, lệnh chuyển tiền, giấy đề nghị bán ngoại tệ, Lệnh chuyển tiền, yêu cầu chuyển tiền, annex...phục vụ cho việc chuyển tiền của D, Thế A và N tại các ngân hàng.

2. Hành vi của Nguyễn Quốc H:

Nguyễn Quốc H trước đây có thời gian làm việc tại bộ phận thanh toán quốc tế của Hội sở Ngân hàng Techcombank Hà Nội nên hiểu và nắm rõ các quy định của Nhà nước về thanh toán quốc tế trong hoạt động thương mại xuất nhập khẩu, biết được việc có thể lợi dụng các phụ lục hợp đồng để chuyển tiền ra nước ngoài theo yêu cầu của khách hàng thông qua hình thức điện chuyển tiền TTr. Do vậy, từ năm 2015 đến năm 2017 tại Hà Nội, Nguyễn Quốc H đã làm trung gian tìm mua hồ sơ thương mại của Công ty V qua Nguyễn Văn A; Công ty TT và TC của Lê Tiến Th (sinh năm: 1984, nơi ĐKKHKT: phường L, quận L, TP Hà Nội); Công ty TK của Nông Tùng L (sinh năm: 1984; trú tại: Phòng 806, Tòa C, chung cư Hoàng Huy, 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội); Công ty Khải Nguyên của một người tên Quân (không rõ địa chỉ) để bán lại cho Nguyễn Mạnh D, Đậu Thị Lan Anh (sinh năm: 1973; trú tại: Phòng 2111B, chung cư Hoàng Huy, 275 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội); Nguyễn Thị Thanh Loan (là chủ tiệm vàng tại địa chỉ 65 Hà Trung, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội), Lê Hữu Sơn (sinh năm: 1975; trú tại: xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội) để những người này sử dụng hợp lý hóa thủ tục chuyển tiền trái phép ra nước ngoài, mục đích H bán hồ sơ để hưởng chênh lệch kiếm lời.

Quá trình làm trung gian mua bán hồ sơ thương mại, H trực tiếp đi mở tài khoản của Công ty TK tại ngân hàng PVcombank và có giao dịch, thỏa thuận để các khách hàng mua hồ sơ thực hiện mở tài khoản của các công ty tại nhiều ngân hàng khác nhau như: Sacombank, TPBank, SHB, Eximbank...Hà Nội. Ngoài ra, H khai còn nhận thông tin người thụ hưởng (bao gồm số tài khoản, số tiền, địa chỉ thụ hưởng...) ở nước ngoài từ Nguyễn Mạnh D để chuyển lại cho Nông Tùng L nhờ Lâm thực hiện soạn thảo các phụ lục hợp đồng nhằm mục đích chuyển tiền ra nước ngoài.

Về giá mua, bán hồ sơ thương mại và việc hưởng lợi: H khai với mỗi bộ hồ sơ thương mại, H mua từ 50 triệu đến 70 triệu VNĐ/1 triệu USD, sau đó bán cho người mua được hưởng chênh lệch khoảng từ 3.000.000VNĐ-4.000.000VNĐ/ltriệu USD, tùy từng thời điểm.

Kết quả điều tra xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, tổng số tiền đã chuyển ra nước ngoài trái phép từ các hồ sơ thương mại do H bán cho những người chuyển tiền là 2.033.637.873.989 VNĐ. Số tiền thu lợi bất chính từ việc chuyển tiền trái phép ra nước ngoài là 265.000.000 VNĐ (đã làm tròn số).

Ngoài các công ty trên, H còn khai mua hồ sơ Công ty TG của Nguyễn Văn A và có sử dụng hồ sơ của công ty này chuyển một món tiền ra nước ngoài. Tuy nhiên, hiện tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự của A và H về công ty này.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo An Thế A, Nguyễn Mạnh D, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn A đã cơ bản khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Ngoài ra, Nguyễn Văn A còn khai: A có thỏa thuận thanh toán tiền mua bán hồ sơ với Đinh Thị N thông qua con gái nuôi của N là Trịnh Diễm C. Tuy nhiên, A khai chưa gặp Chi nên chưa nhận được tiền. Đối với Nguyễn Mạnh D, A xác nhận đã được D thanh toán tiền thuê A làm hồ sơ Hải quan của các công ty: C2T, HUB, V. Ngoài 3 công ty này, A làm hồ sơ Hải quan cho D 01 công ty nữa nhưng không nhớ là công ty nào. A cũng được D trả tiền phí thu được từ việc chuyển tiền ra nước ngoài, nhưng A cho rằng D trừ vào tiền A còn nợ D. Ất không biết về mức giá thanh toán như D và Thế A khai ở trên.

Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Mạnh D, Nguyễn Quốc H và An Thế A đã nhờ gia đình tự nguyện nộp một phần số tiền thu lợi bất chính, trong đó: A nộp 300.000.000 VNĐ (ba trăm triệu đồng); D và H, mỗi người nộp 100.000.000 VNĐ (một trăm triệu đồng); Thế A nộp 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HSST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định: Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Mạnh D, Nguyễn Quốc H và An Thế A phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”. Bị cáo Nguyễn Văn A phạm thêm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm a, b, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 02 (hai) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”; 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải chấp hành cho cả hai tội là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian bị tạm giam từ 7/04/2018 đến ngày 03/8/2018.

- Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ 19/10/2018.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với Nguyễn Mạnh D và An Thế A.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về số tiền thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm vào ngày 16/9/2019, bị cáo Nguyễn Văn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và yêu cầu tuyên bị cáo không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Ngày 19/9/2019, bị cáo Nguyễn Quốc H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương. Bị cáo A thay đổi nội dung kháng cáo: Bị cáo không kêu oan đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Văn A phạm hai tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”; và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm a, b, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và xử bị cáo Nguyễn Quốc H về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo khoản 3, khoản 4 Điều 189 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan. Xét kháng cáo của bị cáo A thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A thay đổi nội dung kháng cáo không kêu oan mà khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo A là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; tại cấp phúc thẩm, bị cáo A đã xuất trình Biên lai thu tiền thu lợi bất chính số tiền 1 tỷ đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới thể hiện sự ăn năn hối cải, tích cực khắc phục thiệt hại của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo cùng một lúc phạm hai tội nên theo Nghị quyết 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo A không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo A.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc H: Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp một phần thu lợi bất chính; tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; đến ngày xét xử phúc thẩm, bị cáo H đã bị tạm giam 14 tháng 07 ngày; thời gian này cũng đã giúp bị cáo nhận thức rõ mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; ăn năn hối cải; xét thấy nay không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ mức giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và đảm bảo phòng ngừa tội phạm chung. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo H được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hành vi phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” của bị cáo Nguyễn Văn A: Tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn A khai báo: Do có quan hệ quen biết với Nguyễn Mạnh D và An Thế A nên sau khi được Đinh Thị N liên hệ mua hồ sơ thương mại để hợp pháp hóa việc chuyển tiền ngoại tệ ra nước ngoài cho khách hàng của N, Nguyễn Văn A đã hỏi mượn Công ty C2T do D và Anh quản lý để làm hồ sơ xuất nhập khẩu bán cho N để làm thủ tục chuyển tiền trái phép ra nước ngoài. A bán cho N hồ sơ của Công ty C2T, giá cả thỏa thuận mua bán giữa A và N là 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng/100.000 USD. A khai trong thời gian từ tháng 4/2016 đến tháng 9/2016, A đã cung cấp khoảng 40 hồ sơ thương mại của Công ty C2T cho N, nhưng sau đó A có lấy lại một số bộ hồ sơ, có lời khai A lại khai báo số lượng hồ sơ thương mại của Công ty C2T bán cho N là bao nhiêu, A không nhớ cụ thể. Tiền N chưa thanh toán cho A. Việc làm ăn với N, A không nói cho D và Thế A biết. Từ tháng 9/2016, An Thế A và D lấy lại Công ty C2T để tự quản lý.

Về số tiền chuyển ra nước ngoài trái phép và tiền thu lợi bất chính bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu trách nhiệm: Mặc dù bị cáo Nguyễn Văn A khai chưa nhận được tiền bán hồ sơ của N, D, H nhưng các lời khai H, D, N và khi đối chất đều khẳng định đã thanh toán tiền cho A. Căn cứ lời khai của N, D, H và các người liên quan, các tài liệu có trong hồ sơ thì A phải chịu trách nhiệm như sau:

- Đối với việc bán hồ sơ thương mại cho Đinh Thị N: A bán cho N giá

1.000.000VNĐ/100.000USD ghi trên hồ sơ; N khai mua hồ sơ của A giá khoảng từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ/ 100.000 USD ghi trên hồ sơ. Hai bên thỏa thuận thanh toán tiền mua hồ sơ thông qua Trịnh Diễm C (con nuôi của N). Căn cứ các bản sao kê tài khoản thu tại ngân hàng xác định: Tổng số tiền A phải chịu trách nhiệm hình sự từ việc bán hồ sơ cho N để N sử dụng chuyển tiền trái phép ra nước ngoài là 737.426.181.677VNĐ. Căn cứ tờ khai Hai quan tại các bộ hồ sơ A bán cho N xác định: Tổng số tiền ghi trên tờ khai là 80.134.448 USD, Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, số tiền thu lợi của A được tính 801.344.000 VNĐ, trong đó số thu lợi từ việc bán các hồ sơ C2T có chữ ký của A ở phần phó giám đốc Nguyễn Hữu Q là 305.490.000VNĐ.

- Đối với việc bán hồ sơ thương mại cho Nguyễn Mạnh D và An Thế A: Theo tài liệu có trong hồ sơ xác định: Tổng số tiền chuyển ra nước ngoài trái phép mà Nguyễn Văn A phải chịu trách nhiệm hình sự từ việc bán hồ sơ cho D và An Thế A chuyển tiền trái phép ra nước ngoài là 1.528.226.253.108VNĐ; tổng số tiền A thu được từ việc bán hồ sơ cho D và Anh được xác định là 2.681.000.000VNĐ, trong đó Công ty V là 651.463.030VNĐ, các công ty còn lại là 2.029.536.970VNĐ; số tiền A được D, Thế A chia lại từ số lợi nhuận có được từ việc chuyển tiền ra nước ngoài với số tiền là 105.000.000 VNĐ.

- Đối với việc bán hồ sơ thương mại cho Nguyễn Quốc H: Tài liệu có trong hồ sơ xác định: Tổng số tiền chuyển ra nước ngoài Nguyễn Văn A phải chịu trách nhiệm từ việc bán hồ sơ thương mại của Công ty V cho H để H bán cho người khác chuyển tiền trái phép ra nước ngoài là: 27.176.438.677VNĐ. Riêng về số tiền thu lợi H khai mua hồ sơ của A giá khoảng 70 triệu VNĐ/1 triệu USD nhưng A khai chỉ bán cho H giá 20 triệu VNĐ/1 triệu USD ghi trên tờ khai. Căn cứ lời khai của H và A về giá mua bán hồ sơ cho nhau, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, số tiền thu lợi của A được xác định là 23.631.685 VNĐ.

Như vậy, tổng số tiền vận chuyển trái phép ra nước ngoài Nguyễn Văn A, phải chịu trách nhiệm hình sự là 2.292.828.873.462 VNĐ; số tiền A thu lợi từ việc bán hồ sơ các công ty (mà A không ký tên vào phần giám đốc, phó giám đốc) là 2.630.390.970 VNĐ.

[2] Về hành vi phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” của bị cáo Nguyễn Văn A: Trong 2015 đến 2017, A thuê một người tên Thành làm các bộ hồ sơ hải quan thể hiện hoạt động xuất nhập khẩu của các công ty V, C2T, HUB, Cường Thịnh. Sau đó A bán các bộ hồ sơ thương mại của các công ty nêu trên cho Nguyễn Mạnh D, An Thế A và Nguyễn Quốc H (đối với H - A chỉ bán hồ sơ công ty V) để các bị cáo nêu trên sử dụng hợp thức hóa thủ tục chuyển tiền ra nước ngoài, về tiền thì D và An Thế A đã trừ vào tiền bị cáo A nợ D và Thế A.

Trong số hồ sơ thương mại của 04 công ty A bán cho N, D, Thế A và H, A tự làm giả một số hồ sơ của công ty C2T (bán cho N) và công ty V (bán cho D, Thế A và H) bằng cách trực tiếp ký lên các tờ A4 trắng giả các chữ ký của Đinh Văn H1, Nguyễn Hữu Q vào mục đại diện Giám đốc Đinh Văn H1, Phó Giám đốc Nguyễn Hữu Q chưa ghi nội dung rồi đóng dấu tròn đỏ của Công ty C2T và V. Sau đó, A đưa lại cho Đinh Thị N, Nguyễn Mạnh D, An Thế A và Nguyễn Quốc H sử dụng làm các giấy đề nghị mở tài khoản, giấy ủy quyền, lệnh chuyển tiền, giấy đề nghị bán ngoại tệ, Lệnh chuyển tiền, yêu cầu chuyển tiền, annex... phục vụ cho việc chuyển tiền của D, Thế A và N tại các Ngân hàng.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, bị cáo cho rằng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự là đúng và không có ý kiến gì khác.

Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Văn A bị cáo thừa nhận hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan tổ chức” theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Sự thừa nhận của bị cáo phù hợp với các bản *Kết luận giám định số 5956, 5957, 5959, 5960, 5961/C09-P5, ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Kết luận giám định số 02/GĐTL ngày 31/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; Kết luận giám định số 1109/C09-P5 ngày 21/3/2019, 1110/C09-P5 ngày 21/3/2019, 1111/C09-P5 ngày 21/3/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an; Kết luận giám định số 36/GĐTL ngày 22/3/2019 của Phòng khoa học hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh...* có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, tổng số Nguyễn Văn A đã ký giả các chữ ký của Nguyễn Hữu Q tại Công ty C2T, chữ ký của Đinh Văn H1 tại Công ty V trên các tờ giấy A4 trắng, đóng dấu tròn đỏ của công ty và dấu chức danh Giám đốc hoặc Phó giám đốc để bán cho Đinh Thị N, Nguyễn Mạnh D, Nguyễn Quốc H sử dụng hợp thức hóa thủ tục chuyển tiền ra nước ngoài là 418 tài liệu; số tiền thu lợi từ việc bán các hồ sơ ký giả các tài liệu của công ty C2T và V là 980.584.715VNĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo A đã nhận thức lại và thừa nhận toàn bộ hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; bị cáo không kháng cáo kêu oan mà xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về hai tội nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan và thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt đối với cả hai tội cho bị cáo.

[3] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc H, Hội đồng xét xử thấy như sau:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị

cáo Nguyễn Quốc H thừa nhận: cuối năm 2015, H quen biết Đậu Thị Lan Anh và biết Lan Anh có nhu cầu tìm hồ sơ thương mại để vận chuyển tiền trái phép ra nước ngoài. H cung cấp cho Lan Anh hồ sơ thương mại của 03 công ty: TT, TC, Khải Nguyên. Công ty TT, TC là do H mua của Thành, công ty Khải Nguyên mua của Quân. Thời gian cung cấp hồ sơ của công ty TT, TC vào đầu năm 2016, còn công ty Khải Nguyên là vào tháng 4,5/2016. Giá mua bán hồ sơ với Lan Anh là 50 triệu đồng/1 triệu USD, mua hồ sơ của Thành giá 40 triệu đồng/1 triệu USD, mua hồ sơ của Quân mỗi lần Quân cho từ 3 đến 4 triệu đồng.

Trong việc bán hồ sơ thương mại cho Nguyễn Thị Thanh Loan (là chủ tiệm vàng tại địa chỉ 65 Hà Trung, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội): bị cáo bán hồ sơ thương mại của công ty Khải Nguyên, giá mua bán là 50 triệu đến 60 triệu/1 triệu USD.

Việc mua bán hồ sơ thương mại với Nguyễn Văn A: Đầu năm 2015, Sơn có nhu cầu mua hồ sơ thương mại để chuyển ngoại tệ ra nước ngoài. H đã đặt vấn đề với Nguyễn Văn A mua hồ sơ thương mại của Công ty TG, tuy nhiên với hồ sơ thương mại của Công ty này chỉ chuyển được một món ra nước ngoài. Sau đó, A cung cấp hồ sơ thương mại của Công ty V cho H và Sơn để chuyển tiền trái phép ra nước ngoài.

Trong quá trình làm trung gian mua bán hồ sơ thương mại, H trực tiếp giao dịch, thỏa thuận để các khách hàng mua hồ sơ thực hiện mở tài khoản của các công ty tại các ngân hàng. H khai còn nhận thông tin người thụ hưởng (bao gồm số tài khoản, số tiền, địa chỉ thụ hưởng...) ở nước ngoài do Nguyễn Mạnh D cung cấp để chuyển lại cho Nông Tùng L để Lâm thực hiện soạn thảo các phụ lục hợp đồng nhằm mục đích chuyển tiền ra nước ngoài.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, tổng số tiền đã chuyển ra nước ngoài trái phép từ các hồ sơ thương mại do H bán cho những người chuyển tiền là 2.033.637.873.989 VNĐ. Số tiền thu lợi bất chính từ việc chuyển tiền trái phép ra nước ngoài là 265.000.000 VNĐ.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Quốc H về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Xét tính chất, mức độ về hành vi phạm tội, vai trò, trách nhiệm hình sự của hai bị cáo A và H trong vụ án có nhiều đồng phạm, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng quan điểm với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm như sau: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của các bị cáo đã bị xét xử trong giai đoạn một như bị cáo Đậu Thị Lan Anh, Đinh Thị N, lời khai của người làm chứng, các chứng từ chuyển tiền đã thu giữ và các tài liệu

khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến đầu năm 2018, tại Quảng Ninh và Hà Nội, các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Mạnh D, An Thế A và Nguyễn Quốc H đã câu kết, móc nối với nhau để mua bán hồ sơ thương mại, tiến hành vận chuyển trái phép tiền Việt Nam đồng (đã được chuyển hóa thành ngoại tệ Đô la Mỹ) từ Việt Nam ra nước ngoài thông qua hệ thống các Ngân hàng tại Việt Nam.

Nguyễn Văn A còn làm giả tài liệu để đưa vào hồ sơ thương mại bán cho các bị cáo Nguyễn Mạnh D, An Thế A và Đinh Thị N để những người này sử dụng vào việc vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới đã xâm hại đến chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước; hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức của bị cáo Nguyễn Văn A xâm phạm đến hoạt động quản lý điều hành và uy tín của các cơ quan, tổ chức. Các bị cáo đều là những người có trình độ học vấn cao, nhận thức pháp luật đầy đủ, chỉ vì hám lợi đã bất chấp thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Văn A là người làm giả hồ sơ thương mại bán cho nhiều người để sử dụng hợp thức hóa việc chuyển ngoại tệ trái phép ra nước ngoài (trong đó có các bị cáo cùng vụ án này và đối tượng Đinh Thị N đã xét xử ở giai đoạn 1), được hưởng lợi nhiều nhất nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”. Ngoài ra, A còn phải chịu trách nhiệm độc lập về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” nên bị cáo A giữ vai trò đầu vụ và phải chịu mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

[5] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn A: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng; thành khẩn khai báo, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết và xuất trình Biên lai nộp tiền thu lợi bất chính với số tiền 1 tỷ đồng tại Biên lai thu tiền số 0001336 ngày 26/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn A tự thú về hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức nên áp dụng cho bị cáo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn A còn đầu thú đối với hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới; nên áp dụng cho bị cáo A thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, đã thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải, tích cực nộp tiền thu lợi bất chính nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A cũng như chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, áp dụng

qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định để giảm một phần hình phạt cho bị cáo A đối với tội *Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới*; bị cáo Nguyễn Văn A còn phải tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Đối với bị cáo Nguyễn Quốc H, Hội đồng phúc thẩm xét thấy: sau khi xét xử sơ thẩm người thân của Nguyễn Quốc H đã nộp toàn bộ số tiền 165 triệu đồng còn thiếu theo quyết định của bản án sơ thẩm thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0008298 thì ngày 18/10/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, trước khi phạm tội có nhân thân tốt; có bố mẹ là người có công với cách mạng; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Vì vậy, có căn cứ áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự và áp dụng mức hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 189 BLHS; Mặt khác, tính đến ngày xét xử phúc thẩm hôm nay thì bị cáo H đã bị tạm giam 13 (mười bốn) tháng 07 (bảy) ngày; thời gian đó rất có tác dụng và ý nghĩa để bị cáo nhận thức và đã thực sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo H sẽ có khả năng tự cải tạo không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm như qui định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Với nội dung đã phân tích, thấy không cần thiết phải buộc bị cáo H tiếp tục chấp hành hình phạt tù, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền và sự phối hợp của gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Qua đó, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta trong chính sách hình sự đối với những người thực sự biết ăn năn hối cải và hướng thiện, tạo điều kiện cho họ rèn luyện, tu dưỡng trở thành người tốt có ích cho gia đình, hòa nhập với cộng đồng xã hội.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo H cũng như chấp nhận lập luận của đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo H được hưởng án treo.

Do bị cáo H đang bị tạm giam nên căn cứ vào khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự để trả tự do ngay tại phiên tòa cho Nguyễn Quốc H vì bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[6] Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A; Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Quốc H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2019/HSST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Quốc H như sau:

Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm a, b, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 01 (một) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”; 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải chấp hành cho cả hai tội là 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian bị tạm giam từ 07/04/2018 đến ngày 03/8/2018.

Áp dụng: khoản 3, khoản 4 Điều 189; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 26 tháng 12 năm 2019.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc H cho Ủy ban nhân phường Tân Mai, quận H, thành phố Hà Nội để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục Nguyễn Quốc H.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Quốc H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, Nguyễn Quốc H phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự, nếu có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Nguyễn Quốc H phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[2] Căn cứ vào khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Quốc H đang bị tạm giam vì bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[3] Về số tiền thu lợi bất chính:

- Xác nhận bị cáo Nguyễn Quốc H đã nộp đủ 265.000.000 đồng - hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm (100.000.000 đồng đã nộp trước phiên tòa sơ thẩm và 165.000.000 đồng - một

trăm sáu mươi lăm triệu đồng tại Biên lai thu tiền số 0008298 ngày 18/10/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải nộp 3.610.975.685 đồng, được trừ đi số tiền đã nộp gồm 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng (trước phiên tòa sơ thẩm) và 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tại Biên lai thu tiền số 0001336 ngày 26/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; bị cáo Át còn phải nộp 2.310.975.685 đồng (Hai tỷ ba trăm mười triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

[4] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Quốc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cục T.H.A DS tỉnh Quảng Ninh;
- Trại TGCA tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VT, Phòng HC-TP TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Anh Dũng

